

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| NHẬN XÉT | ii |
| NHẬN XÉT | iii |
| DANH MỤC BẢNG BIỂU BẢNG | vii |
| DANH MỤC VIẾT TẮT | ix |
| LỜI MỞ ĐẦU | x |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY TIÊU DÙNG | 1 |
| 1.1 Lý thuyết về Ngân hàng Thương Mại | 1 |
| 1.1.1 Định nghĩa Ngân hàng Thương Mại | 1 |
| 1.1.2 Chức năng của Ngân hàng thương mại | 2 |
| 1.1.3 Cơ cấu tổ chức của một NHTM | 3 |
| 1.1.4 Các hoạt động chủ yếu của NHTM | 3 |
| 1.2 Lý thuyết về tín dụng tiêu dùng cá nhân | 4 |
| 1.2.1 Khái niệm cho vay tiêu dùng cá nhân | 4 |
| 1.2.2 Đặc điểm của cho vay tiêu dùng cá nhân | 4 |
| 1.2.3 Vai trò cho vay tiêu dùng cá nhân | 5 |
| 1.3 Phân loại cho vay tiêu dùng cá nhân | 6 |
| 1.3.1 Dựa trên thời hạn tín dụng | 6 |
| 1.3.2 Căn cứ phương thức cho vay | 6 |
| 1.3.3 Căn cứ theo phương thức hoàn trả | 7 |
| 1.3.4 Căn cứ phương thức đảm bảo khoản vay | 7 |
| 1.4 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng | 8 |
| 1.4.1 Doanh số cho vay | 8 |
| 1.4.2 Dư nợ cho vay | 8 |
| 1.4.3 Doanh số thu nợ | 8 |
| 1.4.4 Thu nhập từ hoạt động cho vay tiêu dùng | 8 |
| 1.4.5 Nợ quá hạn | 9 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHO VAY TIÊU DÙNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN – CN BẮC SÀI GÒN/PGD ĐỒ XUÂN HỢP | 10 |
| 2.1 Ngân hàng Vietbank – CN Bắc Sài Gòn/PGD Đồ Xuân Hợp | 10 |
| 2.1.1 Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ | 11 |
| 2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi | 13 |
| 2.1.3 Tình hình nhân sự | 14 |
| 2.2 Tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank – CN Bắc Sài Gòn/PGD Đồ Xuân Hợp | 15 |
| 2.3 Các hoạt động cơ bản của ngân hàng Vietbank | 16 |

| | |
|---|-----------|
| 2.3.1 Các sản phẩm, dịch vụ đang được triển khai tại Vietbank: | 16 |
| 2.3.2 Hoạt động cho vay cá nhân tại Vietbank..... | 18 |
| 2.4 Tình hình nguồn vốn của Ngân hàng Vietbank | 21 |
| 2.5 Thực trạng cho vay tiêu dùng tại Vietbank – CN Bắc Sài Gòn/PGD Đố Xuân Hợp..... | 22 |
| 2.5.1 Quy trình cho vay | 22 |
| 2.5.2 Doanh số cho vay tiêu dùng | 23 |
| 2.5.3 Tình hình doanh số thu nợ..... | 25 |
| 2.5.4 Tình hình doanh số dư nợ cho vay | 27 |
| 2.5.5 Các sản phẩm cho vay trên dư nợ cho vay tiêu dùng..... | 29 |
| 2.5.6 Tình hình nợ quá hạn cho vay tiêu dùng cá nhân | 30 |
| 2.6 Đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại chi nhánh Bắc Sài Gòn/PGD Đố Xuân Hợp..... | 32 |
| 2.6.1 Thành tựu | 32 |
| 2.6.2 Hạn chế | 33 |
| 2.6.3 Nguyên nhân..... | 34 |
| CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ..... | 39 |
| 3.1 Định hướng chung về hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Vietbank chi nhánh Bắc Sài Gòn/PGD Đố Xuân Hợp | 39 |
| 3.1.1 Định hướng hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Vietbank – CN Bắc Sài Gòn/PGD Đố Xuân Hợp..... | 39 |
| 3.1.2 Quan điểm về đổi mới hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Vietbank – CN Bắc Sài Gòn/PGD Đố Xuân Hợp | 40 |
| 3.2 Đề xuất một số giải pháp cải thiện và nâng cao hiệu quả cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp..... | 41 |
| 3.3 Một số kiến nghị | 44 |
| 3.3.1 Đối với Nhà nước | 44 |
| 3.3.2 Đối với NHNN | 45 |
| 3.3.3 Đối với PGD Đố Xuân Hợp..... | 45 |
| KẾT LUẬN | 47 |
| PHỤ LỤC | 1 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 13 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1 Cơ cấu nhân sự giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank)..... | 14 |
| Bảng 2.2 : Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietbank 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp)..... | 15 |
| Bảng 2.3: Bảng ưu đãi lãi suất ngắn hạn(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 20 |
| Bảng 2.4: Bảng ưu đãi lãi suất trung - dài hạn(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp)..... | 20 |
| Bảng 2.5: Tỷ lệ nguồn vốn huy động (Nguồn: BTKQHDKD Vietbank 2020 – 2023) | 21 |
| Bảng 2.6: Tỷ lệ nguồn vốn huy động (Nguồn: BTKQHDKD Vietbank 2020 – 2023) | 21 |
| Bảng 2.7: Doanh số cho vay(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 23 |
| Bảng 2.8: Doanh số cho vay (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 23 |
| Bảng 2.9: Doanh số thu nợ (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 25 |
| Bảng 2.10: Tỷ lệ doanh số thu nợ (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 26 |
| Bảng 2.11: Doanh số dư nợ (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 27 |
| Bảng 2.12: Doanh số dư nợ (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 27 |
| Bảng 2.13: Các sản phẩm cho vay (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp)..... | 28 |
| Bảng 2.14: Nợ quá hạn (Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đố Xuân Hợp) | 30 |

DANH MỤC BẢNG HÌNH

| | |
|---|----|
| Hình 2.1 Logo VietBank | 11 |
| Hình 2.2: Cơ cấu bộ máy ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chi nhánh Bắc Sài Gòn – PGD Đỗ Xuân Hợp (Nguồn: Vietbak -CN Bắc Sài Gòn) | 12 |
| Hình 2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 16 |
| Hình 2.4: Tình hình cho vay Vietbank giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 24 |
| Hình 2.5: Tình hình thu nợ Vietbank giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 26 |
| Hình 2.6: Tình hình dư nợ Vietbank giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 28 |
| Hình 2.7: Các sản phẩm cho vay tại Vietbank giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 29 |
| Hình 2.8: Tình hình nợ quá hạn Vietbank giai đoạn 2020 – 2023(Nguồn: Vietbank – CN/PGD Đỗ Xuân Hợp)..... | 31 |

DANH MỤC VIẾT TẮT

| | |
|---------------|--|
| CVTD | Cho vay tiêu dùng |
| CN | Chi nhánh |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| IMF | Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund) |
| HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| HĐTD | Hoạt động tín dụng |
| KT3 | Sổ tạm trú dài hạn |
| KH | Khách hàng |
| KHDN | Khách hàng doanh nghiệp |
| KQKD | Kết quả kinh doanh |
| KHCN | Khách hàng cá nhân |
| NHTM | Ngân hàng thương mại |
| NHNN | Ngân hàng Nhà nước |
| NHTW | Ngân hàng Trung ương |
| NHTMNN | Ngân hàng thương mại Nhà nước |
| NHTMCP | Ngân hàng thương mại Trung ương |
| PGD | Phòng giao dịch |
| STK | Sổ tiết kiệm |
| TMCP | Thương mại cổ phần |
| TSDB | Tài sản đảm bảo |
| TSTC | Tài sản thế chấp |